TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT Ngày: 02-3-2022 V/v: Ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn K, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu A, phường C, thị xã T, tỉnh D.

Nơi làm việc: Công ty Y, địa chỉ: phường C, thị xã T, tỉnh D.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí có lần anh Đ còn đánh chị, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ tự quyết, không tôn trọng chị và gia đình chị. Xác định không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đã về nhà ba mẹ ruột ở thị trấn K, huyện H sinh sống từ tháng 11/2020 cho đến nay. Hiện nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ 01 người con chung là Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018. Khi chị về nhà mẹ ruột sinh sống thì có dẫn cháu P về cùng, nhưng sau đó anh Đ có xuống đón cháu về chăm sóc và lấy cớ để chị quay về chung sống nhưng chị không về. Do vậy từ tháng 12/2020 cho đến nay cháu P do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P vì cho rằng cháu P còn nhỏ và là con gái nên chị chăm sóc cháu sẽ phù hợp, đảm bảo tốt hơn so với anh Đ. Hiện nay, chị làm nghề buôn bán tự do, chủ yếu mua bán hải sản, thu thập không cố định, có ngày cao, ngày thấp nhưng bình quân khoảng 6 -7 triệu đồng/tháng. Do vậy nếu được quyền nuôi dưỡng con thì chị đủ khi năng nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung giữa anh và chị N theo như lời trình bày của chị N là đúng sự thật.

Về nguyên nhân mâu thuẫn thì trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều lần cãi vã, nguyên nhân có lỗi của chị N nhưng cũng có lỗi của anh, một phần do anh có nóng tính nhưng chị N cũng có cái tôi cao và chị N còn nghe lời gia đình chị N nên hai vợ chồng có nhiều lần lời qua tiếng lại, anh thừa nhận có lần anh đã đánh chị N. Đến tháng 11/2020, do không còn tiếng nói chung nên chị N đã về nhà mẹ ruột tại thị trấn K, huyện H. Hiện nay, anh vẫn còn tình cảm với chị N

và mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung, nhưng nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu thành niên vì hiện nay cháu đang ở cùng anh, hơn nữa trong thời gian chị N dẫn cháu về nhà cha mẹ ruột ở thì chị N và gia đình chị N gây khó khăn, không cho anh gặp con nên anh lo sợ nếu giao con cho chị N nuôi dưỡng thì sau này anh sẽ không được thăm nom con. Hiện nay, anh đang làm phụ hồ, làm thuê cho các công trình, thu nhập 300.000đ/ngày, bình quân khoảng 6 - 7 triệu/tháng, vì vậy anh đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị N đối với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ. Chị Huỳnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018 cho chị Huỳnh Thị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ giao lại cháu Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018 cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Huỳnh Thị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giao cháu Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phát biểu tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"* là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ có nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Phương P sinh ngày 18/11/2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ thừa nhận hiện nay anh đang làm việc tại Công ty Y (Bình Dương) và có dẫn cháu P vào sống cùng anh. Hiện tại, hai cha con anh đang thuê nhà trọ ở khu A, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Công việc của anh là gia công gỗ với mức lương cơ bản khoảng 6 triệu/tháng, tuy nhiên do anh nhận tăng ca và được hưởng thêm phụ cấp nên thu nhập hàng tháng của anh từ 8 - 10 triệu đồng. Vì tính chất công việc nên hàng ngày anh phải làm việc từ 7h30 đến 20h, do đó anh đã cho cháu P đi nhà trẻ và có gửi thêm tiền cho cô giáo để trông cháu ngoài giờ hành chính. Anh Đ nhận thấy anh rất yêu thương con và đủ điều kiện để chăm sóc cháu nên anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị N đồng ý giao cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng với điều kiện anh Đ phải đưa cháu P về lại Ninh Thuận sinh sống và bản thân anh Đ phải quay về làm việc tại đây để thuận tiện cho việc chăm sóc cháu, tuy nhiên anh Đ không đồng ý, vì vậy chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P.

Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng cả chị N và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phương P. Đây là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình thương yêu và trách nhiệm đối với con, tuy nhiên, việc giao con cho chị N hay anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc, xem xét trên nhiều khía cạnh để đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho con.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Hiện nay anh Đ chưa có chỗ ở ổn định tại Bình Dương lại không có người thân nào ở đây, anh Đ cũng thường xuyên phải tăng ca nên việc chăm sóc cháu P hầu như giao cho cô giáo của cháu, như vậy xét về mặt thời gian cũng như điều kiện về nơi ăn chốn ở thì anh Đ không đảm bảo điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P; trong khi đó chị N đã có chỗ ở ổn định và đang sống cùng mẹ ruột tại Ninh Thuận nên có người phụ giúp chăm sóc cháu khi chị bận công việc, hiện tại chị N làm nghề buôn bán hải sản và nhận sửa quần áo thuê tại nhà với tổng thu nhập khoảng 7 - 8 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu P; mặt khác, cháu P còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc, dạy dỗ từ người mẹ. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như đảm bảo được sự phát triển ổn định, bình thường của cháu sau khi cha mẹ ly hôn.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[5] Những nội dung, quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N đối với anh Nguyễn Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ. Chị Huỳnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018 cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân).

Buộc anh Nguyễn Ngọc Đ giao cháu Nguyễn Phương P, sinh ngày 18/11/2018 cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Thị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Ngọc Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở nhưng có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Huỳnh Thị N.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000108 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Ninh Thuận do ông C nộp thay. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000115 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Anh Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2022)./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện B (1);
- Chi cục THADS huyện B (1);
- UBND xã P (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Hưng Dũng